

**BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án TP1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận xã Thuận An, xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội và địa phận phường Từ Sơn, phường Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh thuộc Dự án: Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình về thủ đô Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND xã Phù Đổng)

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thưởng tiền độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích trong chỉ giới (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi nốt (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
1	2	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khắc Kiềm (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Khắc Kiềm	Thôn 8, xã Phù Đổng	1.053.00	700.00	-	353.00	108,500,000	0	542,500,000				7,000,000	658,000,000	
2	3	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khắc Anh	Thôn 8, xã Phù Đổng	1,053.00	709.00	-	344.00	109,895,000	0	549,475,000				7,090,000	666,460,000	
3	4	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Bá Hạnh (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Bá Hạnh	Thôn 8, xã Phù Đổng	232.50	232.50	-	0.00	36,037,500	0	180,187,500				2,325,000	218,550,000	
4	6	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Hưng	Thôn 8, xã Phù Đổng	103.30	103.30	-	0.00	16,011,500	0	80,057,500				1,033,000	97,102,000	
5	7	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Thành	Thôn 8, xã Phù Đổng	155.00	152.70	2.30	0.00	24,025,000	0	120,125,000				1,550,000	145,700,000	
6	8	Hộ gia đình ông (bà) Hoàng Công Tâm	Thôn 8, xã Phù Đổng	61.00	22.90	38.10	0.00	9,455,000	0	47,275,000				610,000	57,340,000	
7	9	Hộ gia đình ông (bà) Hoàng Công An (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Hoàng Công An	Thôn 8, xã Phù Đổng	101.60	101.50	0.10	0.00	15,748,000	0	78,740,000				1,016,000	95,504,000	
8	10	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Sánh (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Sánh	Thôn 8, xã Phù Đổng	122.00	122.00	-	0.00	18,910,000	0	94,550,000				1,220,000	114,680,000	
9	11	Hộ gia đình ông (bà) Đàm Văn Chí	Thôn 8, xã Phù Đổng	122.00	122.00	-	0.00	18,910,000	0	94,550,000				1,220,000	114,680,000	
10	12	Hộ gia đình ông (bà) Lê Văn Tuyên	Thôn 8, xã Phù Đổng	81.30	81.30	-	0.00	12,601,500	0	63,007,500				813,000	76,422,000	
11	13	Hộ gia đình ông (bà) Lê Văn Huân	Thôn 8, xã Phù Đổng	101.65	101.65	-	0.00	15,755,750	0	78,778,750				1,016,500	95,551,000	
12	14	Hộ gia đình ông (bà) Đàm Thị Trò	Thôn 8, xã Phù Đổng	61.00	61.00	-	0.00	9,455,000	0	47,275,000				610,000	57,340,000	
13	15	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Bá Vương	Thôn 8, xã Phù Đổng	129.00	129.00	-	0.00	19,995,000	0	99,975,000				1,290,000	121,260,000	
14	16	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khoa Tường	Thôn 8, xã Phù Đổng	103.30	103.30	-	0.00	16,011,500	0	80,057,500				1,033,000	97,102,000	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thưởng tiền độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
15	17	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Đông	Thôn 8, xã Phú Đông	77.50	77.50	-	0.00	12,012,500	0	60,062,500				775,000	72,850,000	
16	18	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khoa Cát	Thôn 8, xã Phú Đông	77.50	77.50	-	0.00	12,012,500	0	60,062,500				775,000	72,850,000	
17	19	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khoa Tân	Thôn 8, xã Phú Đông	129.00	129.00	-	0.00	19,995,000	0	99,975,000				1,290,000	121,260,000	
18	21	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khắc Nghị	Thôn 8, xã Phú Đông	660.00	660.00	-	0.00	102,300,000	0	511,500,000				6,600,000	620,400,000	
19	22	Hộ gia đình ông (bà) Lê Văn Lộc	Thôn 8, xã Phú Đông	113.00	113.00	-	0.00	17,515,000	0	87,575,000				1,130,000	106,220,000	
20	23	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Quỳnh (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Quỳnh	Thôn 8, xã Phú Đông	197.50	197.50	-	0.00	30,612,500	0	153,062,500				1,975,000	185,650,000	
21	24	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Châu (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thạc Châu	Thôn 8, xã Phú Đông	113.00	113.00	-	0.00	17,515,000	0	87,575,000				1,130,000	106,220,000	
22	25	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Mơ	Thôn 8, xã Phú Đông	181.00	181.00	-	0.00	28,055,000	0	140,275,000				1,810,000	170,140,000	
23	26	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Sáu (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Sáu	Thôn 8, xã Phú Đông	155.00	155.00	-	0.00	24,025,000	0	120,125,000				1,550,000	145,700,000	
24	27	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Bá Đức (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Bá Đức	Thôn 8, xã Phú Đông	155.00	155.00	-	0.00	24,025,000	0	120,125,000				1,550,000	145,700,000	
25	28	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Tước (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Tước	Thôn 8, xã Phú Đông	207.00	207.00	-	0.00	32,085,000	0	160,425,000				2,070,000	194,580,000	
26	29	Hộ gia đình ông (bà) Lâm Văn Nông (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Lâm Văn Nông	Thôn 8, xã Phú Đông	129.00	129.00	-	0.00	19,995,000	0	99,975,000				1,290,000	121,260,000	
27	30	Hộ gia đình ông (bà) Lê Văn Quân	Thôn 8, xã Phú Đông	101.65	101.65	-	0.00	15,755,750	0	78,778,750				1,016,500	95,551,000	
28	31	Hộ gia đình ông (bà) Lê Văn Quỳnh	Thôn 8, xã Phú Đông	122.00	122.00	-	0.00	18,910,000	0	94,550,000				1,220,000	114,680,000	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thưởng tiền độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
29	32	Hộ gia đình ông (bà) Lê Văn Tân (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Lê Văn Tân	Thôn 8, xã Phú Đông	122.00	122.00	-	0.00	18,910,000	0	94,550,000				1,220,000	114,680,000	
30	33	Hộ gia đình ông (bà) Lê Văn Toàn	Thôn 8, xã Phú Đông	122.00	122.00	-	0.00	18,910,000	0	94,550,000				1,220,000	114,680,000	
31	34	Hộ gia đình ông (bà) Lê Văn Mão	Thôn 8, xã Phú Đông	101.65	101.65	-	0.00	15,755,750	0	78,778,750				1,016,500	95,551,000	
32	36	Hộ gia đình ông (bà) Lê Văn Giao (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Lê Văn Giao	Thôn 8, xã Phú Đông	61.00	61.00	-	0.00	9,455,000	0	47,275,000				610,000	57,340,000	
33	37	Hộ gia đình ông (bà) Lâm Văn Hưng	Thôn 8, xã Phú Đông	142.30	142.30	-	0.00	22,056,500	0	110,282,500				1,423,000	133,762,000	
34	38	Hộ gia đình ông (bà) Lê Văn Khang	Thôn 8, xã Phú Đông	101.65	101.65	-	0.00	15,755,750	0	78,778,750				1,016,500	95,551,000	
35	39	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Phú (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Phú	Thôn 8, xã Phú Đông	142.30	142.30	-	0.00	22,056,500	0	110,282,500				1,423,000	133,762,000	
36	40	Hộ gia đình ông (bà) Lê Văn Bằng	Thôn 8, xã Phú Đông	81.30	81.30	-	0.00	12,601,500	0	63,007,500				813,000	76,422,000	
37	41	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Khoái	Thôn 8, xã Phú Đông	155.00	155.00	-	0.00	24,025,000	0	120,125,000				1,550,000	145,700,000	
38	42	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Điều	Thôn 8, xã Phú Đông	103.30	103.30	-	0.00	16,011,500	0	80,057,500				1,033,000	97,102,000	
39	43	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Tiêu (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thạc Tiêu	Thôn 8, xã Phú Đông	155.00	155.00	-	0.00	24,025,000	0	120,125,000				1,550,000	145,700,000	
40	44	Hộ gia đình ông (bà) Lâm Văn Nghĩa (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Lâm Văn Nghĩa	Thôn 8, xã Phú Đông	283.00	283.00	-	0.00	43,865,000	0	219,325,000				2,830,000	266,020,000	
41	46	Hộ gia đình ông (bà) Hoàng Đình Lộc	Thôn 8, xã Phú Đông	141.00	116.90	24.10	0.00	21,855,000	0	109,275,000				1,410,000	132,540,000	
42	48	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Thanh	Thôn 8, xã Phú Đông	199.00	23.40	-	175.60	3,627,000	0	18,135,000				234,000	21,996,000	
43	49	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Nhã (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thị Nhã	Thôn 8, xã Phú Đông	141.60	90.30	-	51.30	13,996,500	0	69,982,500				903,000	84,882,000	
44	50	Hộ gia đình ông (bà) Lâm Văn Tường	Thôn 8, xã Phú Đông	141.60	139.60	2.00	0.00	21,948,000	0	109,740,000				1,416,000	133,104,000	
45	51	Hộ gia đình ông (bà) Lâm Văn Sơn	Thôn 8, xã Phú Đông	56.80	56.80	-	0.00	8,804,000	0	44,020,000				568,000	53,392,000	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thưởng tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
46	52	Hộ gia đình ông (bà) Lâm Văn Tiên (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Lâm Văn Tiên	Thôn 8, xã Phú Đông	396.00	396.00	-	0.00	61,380,000	0	306,900,000				3,960,000	372,240,000	
47	53	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Tư (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thạc Tư	Thôn 8, xã Phú Đông	275.20	275.20	-	0.00	42,656,000	0	213,280,000				2,752,000	258,688,000	
48	54	Hộ gia đình ông (bà) Lê Văn Ngọc (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Lê Văn Ngọc	Thôn 8, xã Phú Đông	162.60	162.60	-	0.00	25,203,000	0	126,015,000				1,626,000	152,844,000	
49	55	Hộ gia đình ông (bà) Lê Văn Điền	Thôn 8, xã Phú Đông	101.60	101.60	-	0.00	15,748,000	0	78,740,000				1,016,000	95,504,000	
50	56	Hộ gia đình ông (bà) Lê Văn Trọng	Thôn 8, xã Phú Đông	122.00	122.00	-	0.00	18,910,000	0	94,550,000				1,220,000	114,680,000	
51	57	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Hải (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thạc Hải	Thôn 8, xã Phú Đông	275.20	275.20	-	0.00	42,656,000	0	213,280,000				2,752,000	258,688,000	
52	58	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Hà (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông (bà) Nguyễn Thạc Hà	Thôn 8, xã Phú Đông	275.20	275.20	-	0.00	42,656,000	0	213,280,000				2,752,000	258,688,000	
53	59	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Hồng	Thôn 8, xã Phú Đông	206.40	206.40	-	0.00	31,992,000	0	159,960,000				2,064,000	194,016,000	
54	61	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Hưng (dung)	Thôn 8, xã Phú Đông	344.00	222.50	-	121.50	34,487,500	0	172,437,500				2,225,000	209,150,000	
55	62	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Viên	Thôn 8, xã Phú Đông	85.00	85.00	-	0.00	13,175,000	0	65,875,000				850,000	79,900,000	
<b>Tổng</b>				<b>10,391.50</b>	<b>9,279.50</b>	<b>66.60</b>	<b>1,045.40</b>	<b>1,448,645,500</b>	<b>0</b>	<b>7,243,227,500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>93,461,000</b>	<b>8,785,334,000</b>	